

BỘ Y TẾ**BỘ Y TẾ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 26/2006/QĐ-BYT

Hà Nội, ngày 06 tháng 9 năm 2006

QUYẾT ĐỊNH**Về việc ban hành Quy chế báo cáo
và Biểu mẫu báo cáo hoạt động phòng, chống HIV/AIDS****BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ**

Căn cứ Nghị định số 49/2003/NĐ-CP ngày 15/5/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 379/2002/QĐ-BYT ngày 08/02/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế về thống kê Y tế;

Theo đề nghị của ông Cục trưởng Cục Phòng, chống HIV/AIDS Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế báo cáo và biểu mẫu báo cáo hoạt động phòng, chống HIV/AIDS”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và bãi bỏ Quyết định số 681/2001/QĐ-BYT ngày 07/3/2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành bản “Quy định chế độ báo cáo và biểu mẫu báo cáo công tác phòng chống AIDS Ngành Y tế”.

Điều 3. Các ông, bà: Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, Cục trưởng Cục Phòng, chống HIV/AIDS Việt Nam, Cục trưởng, Vụ trưởng các Vụ Cục thuộc Bộ

0969.331

Y tế, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ, Giám đốc Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ trưởng y tế các ngành chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trịnh Quân Huân

BỘ Y TẾ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****QUY CHẾ****Báo cáo hoạt động phòng, chống HIV/AIDS**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 26/2006/QĐ-BYT
ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định về hình thức, thời gian, hệ thống báo cáo và trách nhiệm thực hiện báo cáo.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với tất cả các đơn vị, tổ chức có triển khai hoạt động phòng, chống HIV/AIDS trong phạm vi cả nước.

Điều 3. Nguyên tắc báo cáo

1. Báo cáo phải được thực hiện đúng theo các biểu mẫu phê duyệt kèm theo Quyết định này, có đầy đủ dấu và chữ ký của Thủ trưởng cơ quan báo cáo. Trong trường hợp khẩn cấp, đột xuất báo cáo có thể được gửi qua hệ thống FAX, điện báo hoặc thư điện tử nhưng trong vòng 24 giờ phải gửi bản chính theo đường công văn.

2. Báo cáo phải bảo đảm tính trung thực, khách quan, đầy đủ, hạn chế trùng lặp đến mức tối đa và gửi đúng thời gian quy định.

Điều 4. Công bố và lưu trữ số liệu

Việc công bố và lưu trữ số liệu báo cáo hoạt động phòng, chống HIV/AIDS phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 5. Hình thức và nội dung báo cáo

1. Hình thức báo cáo:

a) Báo cáo định kỳ:

- Báo cáo 3 tháng;
- Báo cáo 6 tháng;
- Báo cáo 9 tháng;
- Báo cáo năm.

b) Báo cáo đột xuất;

c) Báo cáo chuyên môn.

2. Nội dung báo cáo:

a) Báo cáo định kỳ: Nội dung báo cáo thực hiện theo biểu mẫu 1, 2 và 3 ban hành kèm theo Quy chế này;

b) Báo cáo đột xuất bao gồm: Nội dung báo cáo phải nêu rõ sự việc, thời gian, địa điểm, tình hình diễn biến, hậu quả và các giải pháp can thiệp đối với các vấn đề xảy ra đột xuất trong phạm vi đơn vị phụ trách. Trường hợp, báo cáo theo yêu cầu của cấp trên, nội dung báo cáo phải đầy đủ thông tin theo đúng nội dung cụ thể mà cấp trên yêu cầu;

c) Báo cáo hoạt động chuyên môn: Nội dung báo cáo thực hiện theo các quy định cụ thể của từng lĩnh vực chuyên môn.

Điều 6. Thời gian báo cáo

1. Thời gian khóa sổ: Số liệu báo cáo được tính đến hết ngày cuối cùng của tháng cụ thể như sau:

a) Báo cáo 3 tháng: được tính từ ngày 01 tháng đầu tiên đến ngày cuối cùng của tháng thứ 3 của quý;

b) Báo cáo 6 tháng được tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 30 tháng 6 hàng năm;

c) Báo cáo 9 tháng được tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 30 tháng 9 hàng năm;

d) Báo cáo năm được tính từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Thời hạn gửi báo cáo:

a) Thời hạn gửi báo cáo định kỳ:

- Chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày khóa sổ, Trạm y tế xã gửi báo cáo định kỳ về Trung tâm y tế dự phòng huyện;

- Chậm nhất sau 15 ngày làm việc kể từ ngày khóa sổ, Trung tâm y tế dự phòng huyện gửi báo cáo hàng quý về Trung tâm phòng, chống HIV/AIDS tỉnh (hoặc Trung tâm y tế dự phòng tỉnh đối với các tỉnh chưa thành lập Trung tâm phòng, chống HIV/AIDS tỉnh);

- Chậm nhất sau 25 ngày làm việc kể từ ngày khóa sổ, Trung tâm phòng, chống HIV/AIDS tỉnh (hoặc Trung tâm y tế dự phòng tỉnh đối với các tỉnh chưa thành lập Trung tâm phòng, chống HIV/AIDS tỉnh) gửi báo cáo về Ban điều hành dự án khu vực, chống HIV/AIDS khu vực (sau đây gọi tắt là Ban điều hành dự án khu vực). Riêng báo cáo tổng kết năm được gửi đồng thời cho Ban điều hành dự án khu vực và Bộ Y tế (Cục Phòng, chống HIV/AIDS Việt Nam);

- Chậm nhất sau 35 ngày làm việc kể từ ngày khóa sổ, Ban điều hành dự án khu vực gửi báo cáo về Bộ Y tế (Cục Phòng, chống HIV/AIDS Việt Nam);

- Chậm nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày khóa sổ, Viện, Bệnh viện Trung ương và các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế, các đơn vị phòng, chống HIV/AIDS trực thuộc các Bộ, ngành, đoàn thể, các Ban quản lý dự án Trung ương hoạt động trong lĩnh vực phòng, chống HIV/AIDS gửi báo cáo về Bộ Y tế (Cục Phòng, chống HIV/AIDS Việt Nam).

b) Thời hạn gửi báo cáo đột xuất: Trong vòng 72 giờ kể từ khi có vấn đề đột xuất xảy ra. Trường hợp báo cáo theo yêu cầu của cấp trên, thực hiện theo đúng thời gian mà cấp trên yêu cầu phải báo cáo;

c) Thời hạn gửi báo cáo chuyên môn: Thực hiện theo các quy định cụ thể về thời gian của từng lĩnh vực chuyên môn.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Hệ thống báo cáo

1. Tuyến Trung ương: Bộ Y tế (Cục Phòng, chống HIV/AIDS Việt Nam).

2. Tuyến khu vực:

- a) Ban điều hành dự án khu vực phía Bắc: Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương;
- b) Ban điều hành dự án khu vực phía Nam: Viện Pasteur thành phố Hồ Chí Minh;
- c) Ban điều hành dự án khu vực miền Trung: Viện Pasteur Nha Trang;
- d) Ban điều hành dự án khu vực Tây Nguyên: Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên.

3. Tuyến tỉnh:

- a) Trung tâm phòng, chống HIV/AIDS tỉnh (hoặc Trung tâm y tế dự phòng tỉnh đối với các tỉnh chưa thành lập Trung tâm phòng, chống HIV/AIDS tỉnh);
- b) Viện, Bệnh viện trung ương và các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế;
- c) Các đơn vị phòng, chống HIV/AIDS trực thuộc các Bộ, ngành, đoàn thể;
- d) Các Ban quản lý dự án Trung ương hoạt động trong lĩnh vực phòng, chống HIV/AIDS.

4. Tuyến huyện: Trung tâm Y tế dự phòng huyện

Điều 8. Trách nhiệm thực hiện

1. Cục Phòng, chống HIV/AIDS Việt Nam chịu trách nhiệm:

- a) Xây dựng, chỉ đạo toàn bộ các hoạt động về báo cáo hoạt động phòng, chống HIV/AIDS;
- b) Thu thập, tổng hợp và phân tích số liệu phản ánh hoạt động phòng, chống HIV/AIDS theo định kỳ hàng năm, 5 năm, 10 năm;
- c) Hướng dẫn các đơn vị thực hiện quy chế báo cáo hoạt động phòng, chống HIV/AIDS;
- d) Tổ chức kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả việc thực hiện các báo cáo hoạt động phòng, chống HIV/AIDS trên phạm vi toàn quốc.

2. Ban điều hành dự án khu vực chịu trách nhiệm:

a) Thu thập, xử lý số liệu phản ánh toàn bộ hoạt động phòng, chống HIV/AIDS của các tỉnh trong khu vực và tại Ban điều hành dự án khu vực;

b) Hướng dẫn nghiệp vụ, tổng hợp thông kê báo cáo hoạt động cho các tỉnh thuộc khu vực phụ trách.

3. Trung tâm phòng, chống HIV/AIDS tỉnh (hoặc Trung tâm y tế dự phòng tỉnh đối với các tỉnh chưa thành lập Trung tâm phòng, chống HIV/AIDS tỉnh) chịu trách nhiệm:

a) Thu thập, xử lý số liệu phản ánh toàn bộ hoạt động phòng, chống HIV/AIDS của địa phương;

b) Hướng dẫn nghiệp vụ, tổ chức kiểm tra đánh giá, tổng hợp thông kê báo cáo hoạt động cho huyện, quận, huyện và các đơn vị trực thuộc Sở Y tế tỉnh.

4. Viện, Bệnh viện trung ương và các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế; các đơn vị phòng, chống HIV/AIDS trực thuộc các Bộ, ngành, đoàn thể; Ban quản lý các dự án Trung ương hoạt động trong lĩnh vực phòng, chống HIV/AIDS chịu trách nhiệm thu thập, xử lý số liệu phản ánh toàn bộ hoạt động phòng, chống HIV/AIDS của đơn vị hoặc của ngành; khi có nhu cầu về số liệu thống kê chuyên sâu liên quan đến lĩnh vực phòng, chống HIV/AIDS hoặc cần ban hành thêm biểu mẫu, sổ sách ghi chép hoặc tổ chức các cuộc điều tra phải tham khảo ý kiến của Bộ Y tế (Cục Phòng, chống HIV/AIDS Việt Nam) và các đơn vị chức năng khác trước khi trình Lãnh đạo Bộ phê duyệt, ban hành.

5. Trung tâm y tế dự phòng huyện chịu trách nhiệm thu thập, xử lý, tổng hợp và quản lý toàn bộ số liệu báo cáo hoạt động phòng, chống HIV/AIDS thuộc phạm vi huyện.

6. Trạm y tế xã chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện chế độ ghi chép ban đầu và báo cáo hoạt động phòng, chống HIV/AIDS theo quy định.

Điều 9. Trách nhiệm của người làm công tác báo cáo

1. Người lập biểu phải chịu trách nhiệm trước người phụ trách báo cáo về kết quả thu thập tổng hợp số liệu báo cáo thuộc phạm vi mình phụ trách, thực hiện việc báo cáo số liệu theo đúng mẫu đã quy định, chịu trách nhiệm về thời hạn và tính chính xác của nội dung và chất lượng báo cáo trước người phụ trách báo cáo.

2. Người phụ trách báo cáo phải kiểm tra nội dung và chất lượng báo cáo trước khi ký trình thủ trưởng đơn vị phê duyệt và chịu trách nhiệm trước thủ trưởng đơn vị và cơ quan chức năng về tính chính xác của số liệu, nội dung, chất lượng, thời hạn của báo cáo theo quy định.

3. Thủ trưởng đơn vị ký và đóng dấu phải chịu trách nhiệm trước cấp trên về thời hạn báo cáo, nội dung và chất lượng báo cáo./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**

Trịnh Quân Huân

BIỂU MẪU SỐ 1*Biểu mẫu báo cáo công tác phòng chống AIDS tuyến xã*

ĐƠN VỊ:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Địa danh:.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

C/v số:

BÁO CÁO CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG HIV/AIDS*(Từ...../...../200..... đến...../...../200.....)***Kính gửi: Trung tâm Y tế dự phòng huyện.....****PHẦN I: TỔ CHỨC****Biểu 1: Nhân lực phòng chống AIDS**

TT	Đơn vị phòng, chống HIV/AIDS	Số cán bộ chuyên trách	Số cán bộ kiêm nhiệm
1	Tuyến xã phường		

PHẦN II**CÁC HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN****I. Chương trình thông tin, giáo dục và truyền thông thay đổi hành vi****Biểu 2: Truyền thông đại chúng**

TT	Hình thức	Số lượng	Số lần hoặc số buổi	Tổng thời lượng
1	Phát thanh trên loa, đài truyền thanh xã			
2	Chiếu băng video, đĩa hình, băng cassette tuyến xã			
3	Tuyên truyền lưu động, cô động			
4	Biểu diễn văn hóa, văn nghệ			

TT	Hình thức	Số lượng	Số lần hoặc số buổi	Tổng thời lượng
5	Pano, biểu tượng, bandroll (Băng zon); khẩu hiệu			
6	Góc truyền thông về PC HIV/AIDS			
7	Khác (ghi rõ).....			

Biểu 3: Truyền thông trực tiếp

TT	Đối tượng truyền thông	Số lượt người được truyền thông
1	Người nghiện chích ma túy	
2	Người bán dâm, tiếp viên nhà hàng	
3	Người có quan hệ tình dục đồng giới nam	
4	Nhóm dân di biến động	
5	Người nhiễm HIV	
6	Thành viên gia đình người nhiễm HIV	
7	Phụ nữ có thai	
8	Người mắc bệnh lây truyền qua đường tình dục	
9	Cán bộ chủ chốt, cán bộ các ban ngành đoàn thể	
10	Các đối tượng khác (ghi rõ)	

Biểu 4: Tiếp nhận và phân phối tài liệu truyền thông

TT	Thể loại	Số lượng mới nhận về	Số lượng phân phối hoặc sử dụng
1	Tranh gấp, tờ rơi		
2	Tranh lật, tranh tư vấn		
3	Sách mỏng		
4	Bản tin, báo chí		
5	Băng đĩa hình		
6	Băng cassette		
7	Áp phích		
8	Tài liệu khác (ghi rõ)		

II. Chương trình can thiệp giảm tác hại dự phòng lây nhiễm HIV**Biểu 5: Đối tượng tham gia chương trình**

TT	Nội dung	Số lượng
1	Số người nghiện chích ma túy quản lý được	
2	Số người bán dâm quản lý được	
3	Số người có quan hệ tình dục đồng giới nam quản lý được	
4	Số đồng đảng viên cho nhóm nghiện chích ma túy	
5	Số đồng đảng viên cho nhóm người bán dâm	
6	Số đồng đảng viên cho nhóm người có quan hệ tình dục đồng giới nam	
7	Số nhân viên tiếp cận cộng đồng cho nhóm nghiện chích ma túy	
8	Số nhân viên tiếp cận cộng đồng cho nhóm người bán dâm	
9	Số nhân viên tiếp cận cộng đồng cho nhóm người có quan hệ tình dục đồng giới nam	
10	Đối tượng khác (nhóm dân di biến động...)	

Biểu 6: Các chương trình can thiệp

TT	Nội dung	Số lượng
Chương trình bơm kim tiêm		
1	Số đối tượng nghiện chích ma túy tham gia chương trình	
2	Số bơm kim tiêm sạch phát miễn phí	
3	Số bơm kim tiêm bẩn được thu gom	
Chương trình phân phát bao cao su		
1	Tổng số người tham gia	
1.1	Số người bán dâm tham gia chương trình	
1.2	Số người có quan hệ tình dục đồng giới nam tham gia chương trình	
2	Tổng số bao cao su được phát miễn phí	
2.1	Số bao cao su phát miễn phí cho người bán dâm	
2.2	Số bao cao su phát miễn phí cho người nghiện chích ma túy	

TT	Nội dung	Số lượng
2.3	Số bao cao su phát miễn phí cho người có quan hệ tình dục đồng giới nam	
2.4	Số bao cao su phát miễn phí cho nhóm dân di biến động	
2.5	Số bao cao su phát miễn phí cho nhóm khác (ghi rõ...)	
3	Số bao cao su tiếp thị xã hội (từ chương trình, dự án phòng chống HIV/AIDS) ghi rõ...	

III. Chương trình chăm sóc và điều trị

Biểu 7: Tư vấn, chăm sóc và hỗ trợ người nhiễm HIV

TT	Nội dung	Tuổi	Số người		Số lượt người
			Nam	Nữ	
1	Số người nhiễm HIV được chăm sóc và quản lý tại nhà	< 15 tuổi			
		≥ 15 tuổi			
2	Số người nhiễm HIV còn sống được chăm sóc và quản lý tại nhà	< 15 tuổi			
		≥ 15 tuổi			

Biểu 8: Theo dõi và chăm sóc trẻ em sinh ra từ mẹ nhiễm HIV và trẻ nhiễm HIV

TT	Nội dung	Số lượng
1	Số trẻ em dưới 18 tháng tuổi được chăm sóc và quản lý tại nhà	
2	Số trẻ em được xét nghiệm khẳng định tình trạng HIV khi 18 tháng tuổi	
3	Số trẻ em được điều trị dự phòng bằng Cotrimoxazol theo hướng dẫn của Bộ Y tế	
4	Số trẻ được cung cấp đủ sữa uống thay thế sữa mẹ trong 6 tháng	

V. Khó khăn và các ý kiến đề xuất:**1. Khó khăn và tồn tại**

.....

2. Nhận xét và đề xuất

.....

Thủ trưởng Đơn vị.....
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày..... tháng..... năm 200.....
Người báo cáo

*Ghi chú: Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gọi chung là tuyến tỉnh
 Các huyện, thị xã, thị trấn, quận, thành phố trực thuộc tỉnh gọi chung
 là tuyến huyện
 Các xã, phường gọi chung là tuyến xã
 Các ô gạch chéo không điền số liệu.*

BIỂU MẪU SỐ 2:

Biểu mẫu báo cáo hoạt động phòng chống AIDS tuyến huyện

ĐƠN VỊ:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Địa danh:.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

C/v số:

BÁO CÁO CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG HIV/AIDS

(Từ...../...../200..... đến...../...../200.....)

Kính gửi: - Trung tâm phòng chống HIV/AIDS tỉnh, thành phố.....

- Sở Y tế tỉnh, thành phố.....

PHẦN I: TỔ CHỨC

Biểu 1: Nhân lực phòng chống AIDS

TT	Đơn vị phòng chống HIV/AIDS	Số cán bộ chuyên trách	Số cán bộ kiêm nhiệm
1	Tuyến huyện		
1.1	Trung tâm y tế dự phòng		
1.2	Bệnh viện đa khoa huyện		
1.3	Khác		
2	Tuyến xã phường		

PHẦN II

CÁC HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN

I. Chương trình thông tin, giáo dục và truyền thông thay đổi hành vi

Biểu 2: Truyền thông đại chúng

TT	Hình thức	Số lượng	Số lần hoặc số buổi	Tổng thời lượng
1	Đài truyền thanh huyện, thị	 		
2	Phát thanh trên loa, đài truyền thanh xã	 		

TT	Hình thức	Số lượng	Số lần hoặc số buổi	Tổng thời lượng
3	Chiếu băng video, đĩa hình, băng cassette			
4	Tuyên truyền lưu động, cô động			
5	Biểu diễn văn hóa, văn nghệ			
6	Pano, biểu tượng, bandroll (băng zôn); khẩu hiệu			
7	Góc truyền thông về PC HIV/AIDS			
8	Khác (ghi rõ).....			

Biểu 3: Truyền thông trực tiếp

TT	Đối tượng truyền thông	Số lượt người được truyền thông
1	Người nghiện chích ma túy	
2	Người bán dâm, tiếp viên nhà hàng	
3	Người có quan hệ tình dục đồng giới nam	
4	Nhóm dân di biến động	
5	Người nhiễm HIV	
6	Thành viên gia đình người nhiễm HIV	
7	Phụ nữ có thai	
8	Người mắc bệnh lây truyền qua đường tình dục	
9	Cán bộ chủ chốt, cán bộ các ban ngành đoàn thể	
10	Các đối tượng khác (ghi rõ)	

Biểu 4: Sản xuất và phân phối tài liệu truyền thông

TT	Hình thức	Số lượng mới nhận về	Số lượng phát triển thêm	Số lượng phân phối/sử dụng
1	Tranh gấp, tờ rơi			
2	Tranh lật, tranh tư vấn			

TT	Hình thức	Số lượng mới nhận về	Số lượng phát triển thêm	Số lượng phân phối/sử dụng
3	Sách mỏng			
4	Bản tin/báo chí			
5	Băng đĩa hình			
6	Băng cassette			
7	Áp phích			
8	Tài liệu khác (ghi rõ)			

II. Chương trình can thiệp giảm tác hại dự phòng lây nhiễm HIV

Biểu 5: Đối tượng tham gia chương trình

TT	Nội dung	Số lượng
1	Số người nghiện chích ma túy quản lý được	
2	Số người bán dâm quản lý được	
3	Số người có quan hệ tình dục đồng giới nam quản lý được	
4	Số đồng đảng viên cho nhóm nghiện chích ma túy	
5	Số đồng đảng viên cho nhóm người bán dâm	
6	Số đồng đảng viên cho nhóm người có quan hệ tình dục đồng giới nam	
7	Số nhân viên tiếp cận cộng đồng cho nhóm nghiện chích ma túy	
8	Số nhân viên tiếp cận cộng đồng cho nhóm người bán dâm	
9	Số nhân viên tiếp cận cộng đồng cho nhóm người có quan hệ tình dục đồng giới nam	
10	Đối tượng khác (nhóm dân di biến động...)	

Biểu 6: Các chương trình can thiệp

TT	Nội dung	Số lượng
Chương trình bơm kim tiêm		
1	Số đối tượng nghiện chích ma túy tham gia chương trình	
2	Số bơm kim tiêm sạch phát miễn phí	
3	Số bơm kim tiêm bản được thu gom	

TT	Nội dung	Số lượng
Chương trình phân phát bao cao su		
1	Tổng số người tham gia	
1.1	Số người bán dâm tham gia chương trình	
1.2	Số người có quan hệ tình dục đồng giới nam tham gia chương trình	
2	Tổng số bao cao su được phát miễn phí	
2.1	Số bao cao su phát miễn phí cho người bán dâm	
2.2	Số bao cao su phát miễn phí cho người nghiện chích ma túy	
2.3	Số bao cao su phát miễn phí cho người có quan hệ tình dục đồng giới nam	
2.4	Số bao cao su phát miễn phí cho nhóm dân di biến động	
2.5	Số bao cao su phát miễn phí cho nhóm khác (ghi rõ...)	
3	Số bao cao su tiếp thị xã hội (từ chương trình hoặc dự án phòng chống HIV/AIDS) ghi rõ	

III. Chương trình chăm sóc và điều trị

Biểu 7: Tư vấn, chăm sóc và hỗ trợ người nhiễm HIV/AIDS

TT	Nội dung	Tuổi	Số người	
			Nam	Nữ
1	Số người nhiễm HIV được chăm sóc và quản lý tại nhà	< 15 tuổi		
		≥ 15 tuổi		
2	Số người nhiễm HIV còn sống được chăm sóc và quản lý tại nhà	< 15 tuổi		
		≥ 15 tuổi		
3	Tổng số người nhiễm HIV đăng ký khám và điều trị tại các cơ sở y tế (từ các phòng khám ngoại trú tuyến quận huyện)	< 15 tuổi		
		≥ 15 tuổi		
4	Số người nhiễm HIV được điều trị dự phòng bằng Cotrimoxazol (từ các phòng khám ngoại trú tuyến quận huyện)	< 15 tuổi		
		≥ 15 tuổi		

Biểu 8: Điều trị HIV/AIDS

Số phòng khám ngoại trú cung cấp ARV/Tổng số phòng khám ngoại trú cho bệnh nhân HIV/AIDS:.....

Biểu 8a: Báo cáo tình hình điều trị ARV (3 tháng báo cáo 1 lần)

TT	Nội dung	Tuổi	Số lượng	
			Nam	Nữ
1	Số bệnh nhân đủ tiêu chuẩn điều trị ARV nhưng chưa bắt đầu điều trị	< 15 tuổi		
		≥ 15 tuổi		
2	Lũy tích số bệnh nhân AIDS đã được điều trị ARV của kỳ báo cáo trước	< 15 tuổi		
		≥ 15 tuổi		
3	Số bệnh nhân AIDS mới bắt đầu điều trị ARV trong 3 tháng qua	< 15 tuổi		
		≥ 15 tuổi		
4	Lũy tích số bệnh nhân HIV/AIDS điều trị ARV của kỳ báo cáo này	< 15 tuổi		
		≥ 15 tuổi		

Biểu 8b: Báo cáo kết quả điều trị ARV (báo cáo 6 tháng 1 lần)

Nhóm theo dõi	Số bệnh nhân ban đầu	Chuyển tới	Chuyển đi	Tổng số bệnh nhân trong nhóm	Tiếp tục sử dụng phác đồ bậc 1	Chuyển sang phác đồ bậc 2	Ngừng điều trị	Tử vong	Không theo dõi được	Phần trăm bệnh nhân còn sống và tiếp tục điều trị	Dân lính thuốc ARV đầy đủ từng tháng
	(1)	(2)	(3)	(4) = 1+2-3	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10) = (5+6)/4 * 100	(11)
Nhóm bệnh nhân điều trị sau 6 tháng											
Nhóm bệnh nhân điều trị sau 12 tháng											
Nhóm bệnh nhân điều trị sau 24 tháng											

Biểu 9: Tai nạn rủi ro nghề nghiệp

TT	Nội dung	Số lượng						Tổng
		Cán bộ Y tế			Cán bộ các Trung tâm CBGDLĐXH, cơ sở chữa bệnh bắt buộc	Cán bộ Công an, Bộ đội Biên phòng	Đối tượng khác (ghi cụ thể)	
		Bác sỹ	Y tá - Điều dưỡng viên	Hộ lý				
1	Tổng số trường hợp bị tai nạn rủi ro nghề nghiệp							
2	Tích lũy số trường hợp bị tai nạn rủi ro nghề nghiệp							
3	Tổng số trường hợp bị tai nạn rủi ro nghề nghiệp được dự phòng bằng thuốc ARV trước 72 giờ							09693881
4	Tổng số trường hợp bị tai nạn, rủi ro nghề nghiệp được dự phòng ARV sau 72 giờ.							
5	Tích lũy số trường hợp bị tai nạn rủi ro nghề nghiệp được dự phòng bằng thuốc ARV.							

**Biểu 10: Quản lý thuốc ARV**

Tỷ lệ % khoa dược cung cấp thuốc ARV (tại các cơ sở điều trị) không có thuốc trong kho trong vòng 6 tháng qua.....

IV. Các hoạt động giám sát, tư vấn xét nghiệm tự nguyện

Biểu 11: Hoạt động phòng Tư vấn xét nghiệm tự nguyện

TT	Đối tượng tư vấn	Số người được tư vấn	Số người tự nguyện yêu cầu làm xét nghiệm HIV	HIV (+)	Số người nhận kết quả xét nghiệm và được tư vấn sau xét nghiệm	Số người được tư vấn xét nghiệm, xét nghiệm, nhận kết quả và tư vấn sau xét nghiệm
1	Người nhiễm HIV					
2	Người nghiện chích ma túy					
3	Người bán dâm, tiếp viên nhà hàng, khách sạn					
4	Người có quan hệ tình dục khác giới					
5	Người có quan hệ tình dục đồng giới nam					
6	Người trong độ tuổi:					
6.1	Từ ≥ 15 đến < 24					
6.2	Từ ≥ 24 đến ≤ 49 tuổi					
7	Các đối tượng khác (ghi rõ)					
	Tổng cộng					

09693881

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

V. Chương trình dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con

Biểu 12: Dự phòng lây truyền từ mẹ sang con:

TT	Chỉ số	Số lượng
1	Số cơ sở sản khoa cung cấp dịch vụ phòng lây truyền từ mẹ sang con theo hướng dẫn của Bộ Y tế	
2	Số phụ nữ có thai đến khám thai	

TT	Chỉ số	Số lượng
3	Số phụ nữ mang thai được tư vấn xét nghiệm HIV trước khi sinh con	
4	Số phụ nữ mang thai được xét nghiệm HIV	
5	Số phụ nữ mang thai được tư vấn và xét nghiệm HIV quay trở lại lấy kết quả xét nghiệm	
6	Số phụ nữ mang thai nhận được tư vấn sau khi xét nghiệm HIV	
7	Số phụ nữ mang thai nhiễm HIV được điều trị dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con	
8	Số trẻ em sinh ra từ bà mẹ nhiễm HIV được điều trị dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con	

Biểu 13: Theo dõi và chăm sóc trẻ em sinh ra từ mẹ nhiễm HIV và trẻ nhiễm HIV

TT	Nội dung	Số lượng
1	Số trẻ em dưới 18 tháng tuổi được chăm sóc và quản lý tại nhà	
2	Số trẻ em được xét nghiệm khẳng định tình trạng HIV khi 18 tháng tuổi	
3	Số trẻ em được điều trị dự phòng bằng Cotrimoxazol theo hướng dẫn của Bộ Y tế	
4	Số trẻ được cung cấp đủ sữa uống thay thế sữa mẹ trong 6 tháng	

VI. Quản lý và điều trị các nhiễm khuẩn lây truyền qua đường tình dục (STIs)

Biểu 14: Khám và điều trị các bệnh LTQĐTD theo căn nguyên (giám sát thường xuyên)

Số người đến khám bệnh LTQĐTD tại cơ sở Y tế nhà nước:.....

Số người đến khám bệnh LTQĐTD tại cơ sở Y tế tư nhân:

TT	Bệnh	Số ca bệnh được chẩn đoán		Số ca bệnh được điều trị	
		Y tế nhà nước	Y tế tư nhân	Y tế nhà nước	Y tế tư nhân
1	Giang mai				
2	Lậu				
3	Chlamydia				
4	Trùng roi				
5	Sùi mào gà				
6	Herpes				
7	Nấm Candida				
8	Khác (ghi rõ)				

Biểu 15: Khám và điều trị các bệnh lây truyền qua đường tình dục theo tiếp cận hội chứng

TT	Bệnh	Số ca bệnh được chẩn đoán		Số ca bệnh được điều trị	
		Y tế nhà nước	Y tế tư nhân	Y tế nhà nước	Y tế tư nhân
1	Đau bụng dưới				
2	Tiết dịch âm đạo				
3	Tiết dịch niệu đạo nam				
4	Loét sinh dục				
5	Khác (ghi rõ)				

VII. An toàn truyền máu

Biểu 16: Công tác dự phòng lây nhiễm HIV trong An toàn truyền máu

TT	Các thông số	Tại tuyến quận/huyện/thị	Số đơn vị máu nhiễm hoặc nghi nhiễm HIV
1	Số cơ sở lấy máu trong địa bàn quản lý		X
2	Tổng số đơn vị máu thu được trong quý, năm		

TT	Các thông số	Tại tuyến quận/huyện/ thị	Số đơn vị máu nhiễm hoặc nghi nhiễm HIV
2.1	Số đơn vị máu thu từ người cho máu chuyên nghiệp		
2.2	Số đơn vị máu thu từ người cho máu tự nguyện		
2.3	Số đơn vị máu thu từ người nhà cho máu		
2.4	Số đơn vị máu thu từ nguồn cho máu tự thân		
3	Số đơn vị máu xin từ cơ sở khác (ghi rõ)*		
4	Số đơn vị máu được sàng lọc HIV theo đúng quy định của Bộ Y tế		

* Đề nghị ghi rõ nguồn cung cấp

Biểu 17: Đào tạo, tập huấn

TT	Nội dung	Số lớp	Số lượng học viên		
			Đối tượng		
			Y tế	Bộ ngành khác	Đối tượng khác (*)
1	Đào tạo, tập huấn theo chuyên đề				
1.1	Thông tin, truyền thông, giáo dục thay đổi hành vi				
1.2	Can thiệp giảm thiểu tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV				
1.3	Chăm sóc hỗ trợ người nhiễm HIV				
1.4	Giám sát HIV/AIDS, theo dõi, đánh giá chương trình				
1.5	Tiếp cận điều trị ARV				
1.6	Dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con				

TT	Nội dung	Số lớp	Số lượng học viên		
			Đối tượng		
			Y tế	Bộ ngành khác	Đối tượng khác (*)
1.7	Quản lý và điều trị các bệnh LTQĐTD				
1.8	An toàn truyền máu				
1.9	Nghiên cứu khoa học				
1.10	Quản lý				
2	Các lớp đào tạo, tập huấn tổng hợp				
3	Khác				

(*) **Đối tượng khác:** (1) Đồng đẳng viên
(2) Cộng tác viên

(3) Người nhiễm HIV
(4) Gia đình người nhiễm HIV
(5) Đối tượng khác: ghi rõ

Chỉ cần điền số (1), (2),..... vào cột này.

XIII. Khó khăn và các ý kiến đề xuất:

1. Khó khăn và tồn tại

.....
.....

2. Nhận xét và đề xuất

.....
.....

Ngày..... tháng..... năm 200.....

Thủ trưởng Đơn vị.....
(Ký tên, đóng dấu)

Người báo cáo

Ghi chú: Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gọi chung là tuyến tỉnh
Các huyện, thị xã, thị trấn, quận, thành phố trực thuộc tỉnh gọi chung là tuyến huyện
Các xã, phường gọi chung là tuyến xã
Các ô gạch chéo không điền số liệu.

09693881

BIỂU MẪU SỐ 3:*Biểu mẫu báo cáo tuyển tình, các BV, Viện trực thuộc TW và Y tế ngành*

ĐƠN VỊ:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Địa danh:.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

C/v số:

BÁO CÁO CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG HIV/AIDS*(Từ...../...../200..... đến...../...../200.....)*

Kính gửi: - Ban điều hành dự án Phòng, chống HIV/AIDS khu vực các tỉnh.....

- Cục Phòng, chống HIV/AIDS Việt Nam

PHẦN I: TỔ CHỨC**Biểu 1: Nhân lực phòng chống AIDS**

TT	Đơn vị phòng, chống HIV/AIDS	Số cán bộ chuyên trách	Số cán bộ kiêm nhiệm
I	Hệ thống y tế dự phòng		
1	Tuyển tỉnh		
	Trung tâm phòng, chống AIDS tuyển tỉnh (Hoặc tổ chức của Khoa AIDS - TTYTDP, Văn phòng TTPC HIV/AIDS)		
	Phòng Kế hoạch - Tài chính Phòng Tổ chức - Hành chính Khoa Truyền thông, can thiệp và huy động cộng đồng Khoa Giám sát HIV/AIDS/STI Khoa Tư vấn, chăm sóc và điều trị HIV/AIDS Khoa xét nghiệm		
2	Tuyển huyện		
2.1	Trung tâm y tế dự phòng		
2.2	Bệnh viện đa khoa huyện		

TT	Đơn vị phòng, chống HIV/AIDS	Số cán bộ chuyên trách	Số cán bộ kiêm nhiệm
2.3	Khác		
3	Tuyến xã phường		
II	Các Viện, Bệnh viện		
1	Trực thuộc Bộ Y tế		
2	Trực thuộc Sở Y tế		
III	Các đơn vị và tổ chức khác		
1	Các đơn vị Y tế thuộc các Bộ, ban, ngành, đoàn thể		
2	Các đơn vị khác thuộc các Bộ, ban, ngành, đoàn thể		
3	Khác (ghi rõ):.....		

PHẦN II CÁC HOẠT ĐỘNG CHUYÊN MÔN

I. Chương trình thông tin, giáo dục và truyền thông thay đổi hành vi

Biểu 2: Truyền thông đại chúng

TT	Hình thức	Số lượng	Số lần hoặc số buổi	Tổng thời lượng
1	Đài truyền hình	 	 	
	- Tin hoạt động	 	 	
	- Phóng sự	 	 	
	- Chuyên mục	 	 	
	- Tọa đàm	 	 	
	- Quảng cáo	 	 	
	- Khác (ghi rõ)	 	 	
2	Đài phát thanh	 	 	
3	Đài truyền thanh huyện	 	 	
4	Phát thanh trên loa, đài truyền thanh xã	 	 	

09693881

Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienHiepHuat.com

LawSoft

TT	Hình thức	Số lượng	Số lần hoặc số buổi	Tổng thời lượng
5	Chiếu băng video hoặc đĩa hình, băng cassette			
6	Tuyên truyền lưu động, cô động			
7	Biểu diễn văn hóa, văn nghệ			
8	Pano; biểu tượng, bandroll (băng zôn); khẩu hiệu			
9	Góc truyền thông về PC HIV/AIDS			
10	Khác (ghi rõ).....			

Biểu 3: Truyền thông trực tiếp

TT	Đối tượng truyền thông	Số lượt người được truyền thông
1	Người nghiện chích ma túy	
2	Người bán dâm, tiếp viên nhà hàng	
3	Người có quan hệ tình dục đồng giới nam	
4	Nhóm người dân di biến động	
5	Người nhiễm HIV	
6	Thành viên gia đình người nhiễm HIV	
7	Phụ nữ có thai	
8	Người mắc bệnh lây truyền qua đường tình dục	
9	Cán bộ chủ chốt, cán bộ các ban, ngành, đoàn thể	
10	Các đối tượng khác (ghi rõ)	

Biểu 4: Sản xuất và phân phối tài liệu truyền thông

TT	Hình thức	Số lượng mới nhận về	Số lượng phát triển thêm	Số lượng phân phối hoặc sử dụng
1	Tranh gấp, tờ rơi			
2	Tranh lật, tranh tư vấn			

TT	Hình thức	Số lượng mới nhận về	Số lượng phát triển thêm	Số lượng phân phối hoặc sử dụng
3	Sách mỏng			
4	Bản tin hoặc báo chí			
5	Băng đĩa hình			
6	Băng cassette			
7	Áp phích			
8	Tài liệu khác (ghi rõ)			

II. Chương trình can thiệp giảm tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV

Biểu 5: Đối tượng tham gia chương trình

TT	Nội dung	Số lượng
1	Số người nghiện chích ma túy quản lý được	
2	Số người bán dâm quản lý được	
3	Số người có quan hệ tình dục đồng giới nam quản lý được	
4	Số đồng đảng viên cho nhóm nghiện chích ma túy	
5	Số đồng đảng viên cho nhóm người bán dâm	
6	Số đồng đảng viên cho nhóm người có quan hệ tình dục đồng giới nam	
7	Số nhân viên tiếp cận cộng đồng cho nhóm nghiện chích ma túy	
8	Số nhân viên tiếp cận cộng đồng cho nhóm người bán dâm	
9	Số nhân viên tiếp cận cộng đồng cho nhóm người có quan hệ tình dục đồng giới nam	
10	Đối tượng khác (nhóm dân di biến động...)	
11	Số cơ sở dịch vụ giải trí tham gia chương trình trên tổng số cơ sở dịch vụ giải trí trong tỉnh	

Biểu 6: Các chương trình can thiệp

TT	Nội dung	Số lượng
Chương trình bơm kim tiêm		
1	Số huyện triển khai chương trình cung cấp hoặc trao đổi bơm kim tiêm	

TT	Nội dung	Số lượng
2	Số đối tượng nghiện chích ma túy tham gia chương trình	
3	Số bơm kim tiêm sạch phát miễn phí	
4	Số bơm kim tiêm bẩn được thu gom	
Chương trình phân phát bao cao su		
1	Số huyện triển khai chương trình khuyến khích sử dụng bao cao su	
2	Tổng số người tham gia	
2.1	Số người bán dâm tham gia chương trình	
2.2	Số người có quan hệ tình dục đồng giới nam tham gia chương trình	
3	Tổng số bao cao su được phát miễn phí	
3.1	Số bao cao su phát miễn phí cho người bán dâm	
3.2	Số bao cao su phát miễn phí cho người nghiện chích ma túy	
3.3	Số bao cao su phát miễn phí cho người có quan hệ tình dục đồng giới nam	
3.4	Số bao cao su phát miễn phí cho nhóm dân di biến động	
3.5	Số bao cao su phát miễn phí cho nhóm khác (ghi rõ...)	
4	Số bao cao su tiếp thị xã hội (từ chương trình, dự án phòng, chống HIV/AIDS) ghi rõ...	
5	Số dầu bôi trơn phát miễn phí cho nhóm có quan hệ tình dục đồng giới nam	

III. Chương trình chăm sóc và điều trị

Biểu 7: Tư vấn, chăm sóc và hỗ trợ người nhiễm HIV/AIDS

TT	Nội dung	Tuổi	Số người		Số lượt người
			Nam	Nữ	
1	Số người nhiễm HIV còn sống hiện đang được chăm sóc và theo dõi tại xã, phường	< 15 tuổi			
		≥ 15 tuổi			
2	Lũy tích số người nhiễm HIV được tư vấn và chăm sóc tại xã, phường	< 15 tuổi			
		≥ 15 tuổi			

TT	Nội dung	Tuổi	Số người		Số lượt người
			Nam	Nữ	
3	Số người nhiễm HIV được tư vấn và chăm sóc tại các trường, trại	< 15 tuổi			
		≥ 15 tuổi			
4	Số người nhiễm HIV đăng ký khám và điều trị tại cơ sở y tế	< 15 tuổi			
		≥ 15 tuổi			
5	Số người nhiễm HIV được điều trị dự phòng bằng Cotrimoxazol	< 15 tuổi			
		≥ 15 tuổi			

(* Ghi chú: các trường, trại bao gồm: các cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng, cơ sở chữa bệnh, trại giam, trại tạm giam.

Biểu 8: Điều trị HIV/AIDS

Số phòng khám ngoại trú cung cấp ARV/Tổng số phòng khám ngoại trú cho bệnh nhân HIV/AIDS:.....

Biểu 8a: Báo cáo tình hình điều trị ARV (3 tháng báo cáo 1 lần)

TT	Nội dung	Tuổi	Số lượng	
			Nam	Nữ
1	Số bệnh nhân AIDS đủ tiêu chuẩn điều trị ARV nhưng chưa bắt đầu điều trị	< 15 tuổi		
		≥ 15 tuổi		
2	Lũy tích số bệnh nhân AIDS đã được điều trị ARV của kỳ báo cáo trước	< 15 tuổi		
		≥ 15 tuổi		
3	Số bệnh nhân AIDS mới bắt đầu điều trị ARV trong 3 tháng qua	< 15 tuổi		
		≥ 15 tuổi		
4	Lũy tích số bệnh nhân AIDS điều trị ARV của kỳ báo cáo này	< 15 tuổi		
		≥ 15 tuổi		

Biểu 8b: Báo cáo tình hình bệnh nhân điều trị ARV sau 6 tháng, 12 tháng, 24 tháng (báo cáo 6 tháng 1 lần)

Nhóm theo dõi	Đến lĩnh thuốc ARV đầy đủ từng tháng	Phần trăm bệnh nhân còn sống và tiếp tục điều trị	Không theo dõi được	Từ vong	Ngưng điều trị	Chuyển sang phác đồ bậc 2	Tiếp tục sử dụng phác đồ bậc 1	Tổng số bệnh nhân điều trị	Chuyển đi	Chuyển tới	Số bệnh nhân ban đầu
	(11)	(10) = (5+6)/4*100	(9)	(8)	(7)	(6)	(5)	(4) = 1+2-3	(3)	(2)	(1)
Nhóm bệnh nhân điều trị sau 6 tháng											
Nhóm bệnh nhân điều trị sau 12 tháng											
Nhóm bệnh nhân điều trị sau 24 tháng											

Biểu 9: Tai nạn rủi ro nghề nghiệp

TT	Nội dung	Số lượng						Tổng
		Cán bộ Y tế			Cán bộ các Trung tâm CBGDLĐXH, cơ sở chữa bệnh bắt buộc	Cán bộ Công an, Bộ đội Biên phòng	Đối tượng khác (ghi cụ thể)	
		Bác sỹ	Y tá - Điều dưỡng viên	Hộ lý				
1	Tổng số trường hợp bị tai nạn rủi ro nghề nghiệp							

TT	Nội dung	Số lượng						Tổng
		Cán bộ Y tế			Cán bộ các Trung tâm CBGDLĐXH, cơ sở chữa bệnh bắt buộc	Cán bộ Công an, Bộ đội Biên phòng	Đối tượng khác (ghi cụ thể)	
		Bác sỹ	Y tá - Điều dưỡng viên	Hộ lý				
2	Tích lũy số trường hợp bị tai nạn rủi ro nghề nghiệp							
3	Tổng số trường hợp bị tai nạn rủi ro nghề nghiệp được dự phòng bằng thuốc ARV trước 72 giờ							
4	Tổng số trường hợp bị tai nạn, rủi ro nghề nghiệp được dự phòng ARV sau 72 giờ.							
5	Tích lũy số trường hợp bị tai nạn rủi ro nghề nghiệp được dự phòng bằng thuốc ARV.							

09693881

Biểu 10: Quản lý thuốc ARV

Tỷ lệ % khoa dược cung cấp thuốc ARV (tại các cơ sở điều trị) không có thuốc trong kho trong vòng 6 tháng qua:.....

Biểu 10(i): Đánh giá hệ thống các cơ sở y tế

(phục vụ cho bộ chỉ số theo dõi đánh giá chương trình quốc gia)

Tổng số cơ sở y tế tuyến huyện (bệnh viện, Trung tâm Y tế...) trên địa bàn:

Tổng số cơ sở y tế tuyến tỉnh (bệnh viện, Trung tâm Y tế...) trên địa bàn:

TT	Nội dung	Tuyến huyện	Tuyến tỉnh
1	Cơ sở Y tế có khả năng xét nghiệm tế bào CD4		
2	Cơ sở Y tế đủ thuốc thiết yếu (<i>phục vụ việc chăm sóc và điều trị bệnh nhân AIDS</i>)		

IV. Các hoạt động giám sát, tư vấn xét nghiệm tự nguyện

Biểu 11: Hoạt động phòng Tư vấn xét nghiệm tự nguyện

TT	Đối tượng tư vấn	Số người được tư vấn	Số người tự nguyện yêu cầu làm xét nghiệm HIV	Số HIV (+)	Số người quay lại nhận kết quả xét nghiệm và được tư vấn sau xét nghiệm	Số người được tư vấn trước xét nghiệm, xét nghiệm, nhận kết quả và tư vấn sau xét nghiệm
1	Người nhiễm HIV					
2	Người nghiện chích ma túy					
3	Người bán dâm, tiếp viên nhà hàng, khách sạn					
4	Người có quan hệ tình dục khác giới					
5	Người có quan hệ tình dục đồng giới nam					
6	Người trong độ tuổi					
6.1	Từ ≥ 15 đến < 24 tuổi					
6.2	Từ ≥ 24 đến ≤ 49 tuổi					
7	Các đối tượng khác (ghi rõ)					
	Tổng cộng					

Biểu 12: Giám sát phát hiện

TT	Đối tượng	Số lượng
1	Người nghiện chích ma túy	
2	Gái mại dâm	
3	Bệnh nhân mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục	
4	Bệnh nhân lao	
5	Người cho máu	
6	Phụ nữ trước đẻ	
6.1	- Nông thôn	
6.2	- Thành thị	
7	Bệnh nhân nghi ngờ AIDS	
8	Các đối tượng khác (ghi rõ)	
	Tổng cộng	

V. Chương trình dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con

Biểu 13: Dự phòng lây truyền từ mẹ sang con:

TT	Chỉ số	Số lượng
1	Số cơ sở sản khoa cung cấp dịch vụ phòng lây truyền từ mẹ sang con theo hướng dẫn của Bộ Y tế	
2	Số phụ nữ có thai đến khám thai	
3	Số phụ nữ mang thai được tư vấn xét nghiệm HIV trước khi sinh con	
4	Số phụ nữ mang thai được xét nghiệm HIV	
5	Số phụ nữ mang thai được tư vấn và xét nghiệm HIV quay trở lại lấy kết quả xét nghiệm	
6	Số phụ nữ mang thai nhận được tư vấn sau khi xét nghiệm HIV	
7	Số phụ nữ mang thai nhiễm HIV được điều trị dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con	
8	Số trẻ em sinh ra từ bà mẹ nhiễm HIV được điều trị dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con	

Biểu 14: Theo dõi và chăm sóc trẻ em sinh ra từ mẹ nhiễm HIV và trẻ nhiễm HIV

TT	Nội dung	Số lượng
1	Số trẻ em dưới 18 tháng tuổi được chăm sóc và quản lý tại nhà	
2	Số trẻ em được xét nghiệm khẳng định tình trạng HIV khi 18 tháng tuổi	
3	Số trẻ em được điều trị dự phòng bằng Cotrimoxazol theo hướng dẫn của Bộ Y tế	
4	Số trẻ được cung cấp đủ sữa uống thay thế sữa mẹ trong 6 tháng	

VI. Quản lý và điều trị các nhiễm khuẩn lây truyền qua đường tình dục

Biểu 15: Khám và điều trị các bệnh LTQĐTD theo căn nguyên (giám sát thường xuyên)

Số lượt người đến khám bệnh LTQĐTD tại cơ sở Y tế nhà nước:

Số lượt người đến khám bệnh LTQĐTD tại cơ sở Y tế tư nhân:

TT	Bệnh	Số ca bệnh được chẩn đoán		Số ca bệnh được điều trị	
		Y tế nhà nước	Y tế tư nhân	Y tế nhà nước	Y tế tư nhân
1	Giang mai				
2	Lậu				
3	Chlamydia				
4	Trùng roi				
5	Sùi mào gà				
6	Herpes				
7	Nấm Candida				
8	Khác (ghi rõ)				

Biểu 16: Khám và điều trị các bệnh lây truyền qua đường tình dục theo tiếp cận hội chứng

TT	Bệnh	Số ca bệnh được chẩn đoán		Số ca bệnh được điều trị	
		Y tế nhà nước	Y tế tư nhân	Y tế nhà nước	Y tế tư nhân
1	Đau bụng dưới				
2	Tiết dịch âm đạo				
3	Tiết dịch niệu đạo nam				
4	Loét sinh dục				
5	Khác (ghi rõ)				

VII. An toàn truyền máu

Biểu 17: Công tác dự phòng lây nhiễm HIV trong an toàn truyền máu

TT	Các thông số	Tại tuyến tỉnh	Tại tuyến huyện	Tổng cộng	Số đơn vị máu nhiễm hoặc nghi nhiễm HIV
1	Số cơ sở lấy máu trong địa bàn quản lý				X
2	Tổng số đơn vị máu thu được trong quý, năm				
2.1	Số đơn vị máu thu từ người cho máu chuyên nghiệp				
2.2	Số đơn vị máu thu từ người cho máu tự nguyện				
2.3	Số đơn vị máu thu từ người nhà cho máu				
2.4	Số đơn vị máu thu từ nguồn cho máu tự thân				

TT	Các thông số	Tại tuyên tỉnh	Tại tuyên huyện	Tổng cộng	Số đơn vị máu nhiễm hoặc nghi nhiễm HIV
3	Số đơn vị máu xin từ cơ sở khác (ghi rõ) *				
4	Số đơn vị máu được sàng lọc HIV theo đúng quy định của Bộ y tế				

* Đề nghị ghi rõ nguồn cung cấp

IX. Tăng cường năng lực cán bộ

Biểu 18: Đào tạo, tập huấn

TT	Nội dung	Số lớp	Số lượng học viên		
			Đối tượng		
			Y tế	Bộ, ngành khác	Đối tượng khác (*)
1	Đào tạo, tập huấn theo chuyên đề				
1.1	Thông tin, truyền thông, giáo dục thay đổi hành vi				
1.2	Can thiệp giảm thiểu tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV				
1.3	Chăm sóc hỗ trợ người nhiễm HIV				
1.4	Giám sát HIV/AIDS, theo dõi, đánh giá chương trình				
1.5	Tiếp cận điều trị ARV				
1.6	Dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con				
1.7	Quản lý và điều trị các bệnh LTQĐTD				
1.8	An toàn truyền máu				
1.9	Nghiên cứu khoa học				
1.10	Quản lý				
2	Các lớp đào tạo, tập huấn tổng hợp				
3	Khác				

(*) Đối tượng khác:

- (1): Đồng đảng viên
- (2): Cộng tác viên
- (3): Người nhiễm HIV
- (4): Gia đình người nhiễm HIV
- (5): Đối tượng khác (ghi rõ)

Điền số (1) hoặc số (2) vào cột này

Biểu 19: Nghiên cứu khoa học

TT	Tên đề tài	Thời gian thực hiện	Cấp quản lý	Kinh phí	Nguồn kinh phí (*)
1					
2					
3					
4					

(*) Nguồn kinh phí:

- (1) Ngân sách nhà nước
- (2) Tài trợ của các tổ chức Quốc tế (ghi cụ thể)

Điền số (1) hoặc số (2) vào cột này

Biểu 20: Hợp tác Quốc tế

TT	Tên dự án	Nội dung (*)	Thời gian thực hiện	Địa bàn triển khai	Kinh phí	Nhà tài trợ	Hình thức tài trợ (**)
1							
2							
3							
4							

- (*) Nội dung:** (1) Thông tin, truyền thông, giáo dục thay đổi hành vi
(2) Can thiệp giảm tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV

- (3) Chăm sóc hỗ trợ người nhiễm HIV
- (4) Giám sát HIV/AIDS, theo dõi, đánh giá chương trình
- (5) Tiếp cận điều trị ARV
- (6) Dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con
- (7) Quản lý và điều trị các bệnh LTQĐTĐ
- (8) An toàn truyền máu
- (9) Nâng cao năng lực
- (10) Khác

Chỉ cần điền số (1), (2), (3),..... vào cột này

- (**) Hình thức tài trợ: (1) Thông qua các dự án với Bộ Y tế
(2) Trực tiếp hợp tác giữa các tỉnh với nhà tài trợ
(3) Khác (ví dụ qua Bộ LĐTBXH)

Chỉ cần điền số (1) hoặc (2) hoặc (3) vào cột này

X. Trang thiết bị, thuốc, sinh phẩm

Biểu 21: Trang thiết bị

TT	Tên trang thiết bị	Số TW cấp	Số DA cấp	Số tự mua	Tổng cộng
1					
2					

Biểu 22: Tình hình sử dụng thuốc nhiễm trùng cơ hội

TT	Thuốc	Đơn vị	Số TW cấp	Số tự mua	Số đã sử dụng	Số còn lại	Hạn sử dụng cho số còn lại
1							
2							

Biểu 23: Tình hình sử dụng sinh phẩm: (Đơn vị: test)

TT	Sinh phẩm	Số được cấp	Số tự mua	Số đã sử dụng	Số còn lại	Hạn sử dụng
1						
2						

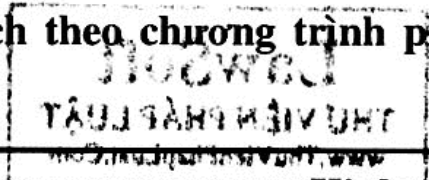
XI. Ngân sách

Biểu 24: Ngân sách (đơn vị 1000đ)

TT	Nguồn	Thời gian cấp	Số kế hoạch	Số thực cấp	Số sử dụng	Địa bàn
1						
2						
	Tổng cộng					

Biểu 25: Phân bổ ngân sách theo chương trình phòng, chống HIV/AIDS (đơn vị 1000đ)

TT	9 chương trình hành động PC HIV/AIDS	Kinh phí				Tổng
		TW cấp	Địa phương	Hợp tác quốc tế	Khác	
1						
2						
3						
4						
5						
6						
7						
8						
9						
	Tổng cộng					



09693881

XII. Khó khăn và các ý kiến đề xuất:**1. Khó khăn và tồn tại**

.....

2. Nhận xét và đề xuất

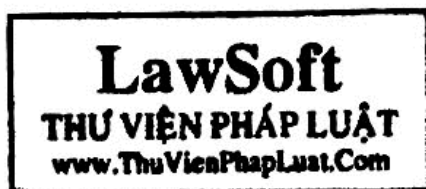
.....

Ngày..... tháng..... năm 200.....

Thủ trưởng Đơn vị.....

Người báo cáo

(Ký tên, đóng dấu)



09693881

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Ghi chú: Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gọi chung là tuyến tỉnh
 Các huyện, thị xã, thị trấn, quận, thành phố trực thuộc tỉnh gọi chung
 là tuyến huyện
 Các xã, phường gọi chung là tuyến xã
 Các ô gạch chéo không điền số liệu